

BIỂU ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Pác Nặm)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao			Đề xuất điều chỉnh						Kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NSDP	Giảm			Tăng			Tổng	NSTW	NSDP	
					Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng	205.706.339.802	199.511.739.011	6.194.600.791	15.465.702.000	14.199.543.000	1.266.159.000	15.465.702.000	#####	1.266.159.000	#####	199.511.739.011	6.194.600.791	
I	Nguồn kinh phí năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	113.020.031.802	111.462.115.011	1.557.916.791	14.491.163.000	14.199.543.000	291.620.000	14.491.163.000	#####	291.620.000	#####	111.462.115.011	1.557.916.791	
1	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi	43.872.859.696	43.250.895.547	621.964.149	14.141.020.960	13.849.400.960	291.620.000					29.731.838.736	29.401.494.587	330.344.149
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.032.255.522	972.747.705	59.507.817	350.142.040	350.142.040						682.113.482	622.605.665	59.507.817
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	68.114.916.584	67.238.471.759	876.444.825	0			14.491.163.000	#####	291.620.000		82.606.079.584	81.438.014.759	1.168.064.825
II	Nguồn năm 2024	92.686.308.000	88.049.624.000	4.636.684.000	974.539.000	0	974.539.000	974.539.000	0	974.539.000	92.686.308.000	88.049.624.000	4.636.684.000	
	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi	35.978.059.000	33.055.220.000	2.922.839.000	974.539.000		974.539.000					35.003.520.000	33.055.220.000	1.948.300.000
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	56.708.249.000	54.994.404.000	1.713.845.000				974.539.000		974.539.000		57.682.788.000	54.994.404.000	2.688.384.000